**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 11 BÀI 2:**

**HÀNG HÓA – TIỀN TỆ – THỊ TRƯỜNG**

**Câu 1:** Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?

**A.** Giá cả. **B.** Lợi nhuận.

**C.** Công dụng của hàng hóa. **D.** Số lượng hàng hóa.

**Câu 2:** Một trong những chức năng của thị trường là gì?

**A.** Đánh giá **B.** Kiểm tra hàng hóa.

**C.** Thực hiện. **D.** Trao đổi hàng hóa.

**Câu 3:** Mục đích mà người tiêu dùng hướng đến là gì?

**A.** Giá cả. **B.** Lợi nhuận.

**C.** Công dụng của hàng hóa. **D.** Số lượng hàng hóa.

**Câu 4:** Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?

**A.** Phương tiện thanh toán. **B.** Phương tiện mua bán.

**C.** Phương tiện trao đổi. **D.** Phương tiện giao dịch.

**Câu 5:** Hàng hóa có những thuộc tính nào sau đây?

**A.** Giá trịsử dụng. **B.** Giá trị trao đổi,giá trị sử dụng.

**C.** Giá trị, giá trị sử dụng. **D.** Giá trị, giá trị trao đổi.

**Câu 6:**  Nếu tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ để khi cần thì đem ra mùa hàng là tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

**A.** Thước đo giá trị **B.** Phương tiện lưu thông

**C.** Phương tiện cất trữ **D.** Phương tiện thanh toán

**Câu 7:**  Chức năng nào dưới đây của tiền tệ đòi hỏi tiền phải là tiền bằng vàng?

**A.** Phương tiện cất trữ **B.** Thước đo giá trị

**C.** Phương tiện lưu thông **D.** Phương tiện thanh toán

**Câu 8:** Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa được tính bằng yếu tố nào?

**A.** Thời gian tạo ra sản phẩm. **B.** Thời gian trung bình của xã hội.

**C.** Tổng thời gian lao động. **D.** Thời gian cá biệt.

**Câu 9:** Bác A trồng rau sạch để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua gạo. Vậy tiền đó thực hiện chức năng gì?

**A.** Phương tiện thanh toán. **B.** Phương tiện giao dịch.

**C.** Thước đo giá trị. **D.** Phương tiện lưu thông.

**Câu 10:** Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?

**A.** Thước đo kinh tế. **B.** Thước đo giá trị.

**C.** Thước đo thị trường. **D.** Thước đo giá cả.

**Câu 11:**  Giá trị sử dụng của hàng hóa là

**A.** Sản phẩm thỏa mãn như cầu nào đó của con người

**B.** Cơ sở của giá trị trao đổi

**C.** Công dụng của sản phẩm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người

**D.** Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

**Câu 12:** Hãy chỉ ra đâu là hình thái tiền tệ?

**A.** 1 con gà = 9 kg thóc = 5 m vải. **B.** 0.1 gam vàng = 5 m vải = 5 kg chè.

**C.** 1 con gà + 9 kg thóc + 5 m vải. **D.** 0.1 gam vàng + 5 m vải + 5 kg chè.

**Câu 13:** Giá trị xã hội của hàng hóa bao gồm những bộ phận nào?

**A.** Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa

**B.** Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị tăng thêm

**C.** Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa, giá trị tăng thêm

**D.** Giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa, giá trị tăng thêm

**Câu 14:** Giá trị của những hàng hóa được biểu hiện ở một hàng hóa là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

**A.** Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. **B.** Hình thái tiền tệ.

**C.** Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng. **D.** Hình thái chung của giá trị.

**Câu 15:** Giá trị xã hội của hàng hóa được kết tinh trong hàng hóa bao gồm những yếu tố nào?

**A.** Chi phí sản xuất và lợi nhuận **B.** Lợi nhuận

**C.** Chi phí sản xuất **D.** Cả a, b, c sai

**Câu 16:**  Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?

**A.** Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán **B.** Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa

**C.** Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán **D.** Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả

**Câu 17:**  Hàng hóa có thể trao đổi được với nhau vì

**A.** Chúng đều có giá trị sử dụng khác nhau **B.** Chúng có giá trị bằng nhau

**C.** Chúng đều có giá trị và giá trị sử dụng **D.** Chúng đều là sản phẩm của lao động

**Câu 18:**  Giá trị của hàng hóa là

**A.** Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

**B.** Sức lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

**C.** Lao động của từng người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

**D.** Chi phí làm ra hàng hóa

**Câu 19:** Giá trị của những hàng hóa được biểu hiện ở hàng hóa đặc biệt là vàng là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

**A.** Hình thái chung của giá trị. **B.** Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên.

**C.** Hình thái tiền tệ. **D.** Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

**Câu 20:**  Vật phẩm nào dưới đây không phải là hàng hóa?

**A.** Nước máy **B.** Không khí **C.** Rau trồng để bán **D.** Điện

**Câu 21:** Tháng 09 năm 2008 1 USD đổi được 16 700 VNĐ, điều này được gọi là gì?

**A.** Tỷ lệ trao đổi. **B.** Tỷ giá trao đổi. **C.** Tỷ giá giao dịch. **D.** Tỷ giá hối đoái.

**Câu 22:** Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở nhiều hàng hóa khác nhau là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

**A.** Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. **B.** Hình thái tiền tệ.

**C.** Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng. **D.** Hình thái chung của giá trị.

**Câu 23:**  Trong nền sản xuất hàng hóa, giá cả hàng hóa là

**A.** Quan hệ giữa người bán và người mua **B.** Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa

**C.** Giá trị của hàng hóa **D.** Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận

**Câu 24:** Thị trường có những mối quan hệ cơ bản nào?

**A.** Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.

**B.** Hàng hóa, người mua, người bán.

**C.** Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán, cung cầu, giá cả.

**D.** Người mua, người bán, cung cầu, giá cả.

**Câu 25:**  Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lần nhau để xác định

**A.** Chất lượng và số lượng hàng hóa **B.** Gía trị và giá trị sử dụng của hàng hóa

**C.** Giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa **D.** Giá cả và số lượng hàng hóa

**Câu 26:** Những chức năng của thị trường là gì?

**A.** Thông tin, điều tiết. **B.** Kiểm tra, đánh giá.

**C.** Thừa nhận, quy định **D.** Cả a, b, c đúng.

**Câu 27:**  Một sản phẩm trở thành hang hóa cần có mấy điều kiện?

**A.** Hai điều kiện **B.** Bốn điều kiện **C.** Ba điều kiện **D.** Một điều kiện

**Câu 28:** Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở hàng hóa khác là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

**A.** Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. **B.** Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

**C.** Hình thái chung của giá trị. **D.** Hình thái tiền tệ.

**Câu 29:**  Tiền thực hiện chức năng thước đo giá trị khi

**A.** Tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa

**B.** Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch

**C.** Tiền dùng để cất trữ

**D.** Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa

**Câu 30:**  Thông tin của thị trường giúp người mua

**A.** Mua được hàng hóa mình cần

**B.** Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường

**C.** Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

**D.** Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa

**Câu 31:** Giá trị sử dụng của hàng hóa được hiểu là gì?

**A.** Công dụng thỏa mãn nhu cầu tinh thần.

**B.** Công dụng nhất định thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

**C.** Công dụng thỏa mãn nhu cầu mua bán.

**D.** Công dụng thỏa mãn nhu cầu vật chất.

**Câu 32:**  Bác B nuôi được 20 con gà. Bác để ăn 3 con, cho con gái 2 con. Số còn lại bác mang bán. Hỏi số gà của bác B có bao nhiêu con gà là hàng hóa?

**A.** 5 con **B.** 20 con **C.** 15 con **D.** 3 con

**Câu 33:** Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào quyết định?

**A.** Nhà nước. **B.** Người làm dịch vụ.

**C.** Thị trường. **D.** Người sản xuất.

**Câu 34:** Để may xong một cái áo, hao phí lao động của anh B tính theo thời gian mất 4 giờ. Vậy 4 giờ lao động của anh B được gọi là gì?

**A.** Thời gian lao động thực tế. **B.** Thời gian lao động xã hội cần thiết.

**C.** Thời gian lao động của anh B. **D.** Thời gian lao động cá biệt.

**Câu 35:** Giá trị xã hội của hàng hóa được xác định bởi:

**A.** Thời gian lao động xã hội cần thiết.

**B.** Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra nhiều hàng hóa tốt nhất.

**C.** Thời gian lao động hao phí bình quân của mọi người sản xuất hàng hóa.

**D.** Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra hàng hóa tốt nhất.

**Câu 36:** Tại sao hàng hóa là một phạm trù lịch sử?

**A.** Vì hàng hóa ra đời là thước đo trình độ phát triển sản xuất và hoạt động thương mại của lịch sử loài người.

**B.** Vì hàng hóa chỉ ra đời và tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa.

**C.** Vì hàng hóa xuất hiện rất sớm trong lịc sử phát triển loài người.

**D.** Vì hàng hóa ra đời gắn liền với sự xuất hiện của con người trong lịch sử.

**Câu 37:** Tiền tệ thực hiện chức năng thước do giá trị khi nào?

**A.** Khi tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.

**B.** Khi tiền dùng làm phương tiện lưu thông, thúc đẩy quá trình mua bán hàng hóa diễn ra thuận lợi.

**C.** Khi tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ.

**D.** Khi tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.

**Câu 38:** Để có được lợi nhuận cao và giành được ưu thế cạnh tranh người sản xuất phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?

**A.** Phải giảm giá trị cá biệt của hàng hóa **B.** Giữ nguyên giá trị cá biệt của hàng hóa

**C.** Phải giảm giá trị xã hội của hàng hóa **D.** Phải tăng giá trị cá biệt của hàng hóa

**Câu 39:** Hiện tượng lạm phát xảy ra khi nào?

**A.** Khi đồng nội tệ mất giá.

**B.** Khi Nhà nước phát hành thêm tiền.

**C.** Khi tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng cần thiết.

**D.** Khi nhu cầu của xã hội về hàng hóa tăng thêm.

**Câu 40:**  Giá trị trao đổi là mối quan hệ về số lượng trao đổi giữa các hàng hóa có

**A.** Giá cả khác nhau **B.** Giá trị sử dụng khác nhau

**C.** Số lượng khác nhau **D.** Giá trị khác nhau

**Câu 41:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua yếu tố nào?

**A.** Giá trị trao đổi. **B.** Giá trị số lượng, chất lượng.

**C.** Lao động xã hội của người sản xuất. **D.** Giá trị sử dụng của hàng hóa.

**Câu 42:** Giá trị của hàng hóa là gì?

**A.** Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa.

**B.** Lao động của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.

**C.** Lao động xã hội của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.

**D.** Lao động của người sản xuất hàng hóa.

**Câu 43:** Thị trường bao gồm những nhân tố cơ bản nào?

**A.** Hàng hóa, người mua, người bán. **B.** Người mua, người bán, tiền tệ.

**C.** Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ. **D.** Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.

**Câu 44:**  Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua

**A.** Hao phí lao động **B.** Giá trị sử dụng **C.** Chi phí sản xuất **D.** Giá trị trao đổi

**Câu 45:** Hàng hóa có thể tồn tại dưới những dạng nào sau đây?

**A.** Vật thể. **B.** Cả a, b đều đúng. **C.** Cả a, b đều sai. **D.** Phi vật thể.

**Câu 46:**  Tiền tệ có mấy chức năng?

**A.** Hai chức năng **B.** Ba chức năng **C.** Bốn chức năng **D.** Năm chức năng

**Câu 47:**  Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán. Khi đó tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

**A.** Phương tiện thanh toán **B.** Phương tiện cất trữ

**C.** Phương tiện lưu thông **D.** Thước đo giá trị

**Câu 48:**  Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình

**A.** Phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị

**B.** Phát triển nhanh chóng nền sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu của con người

**C.** Trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị

**D.** Lao động sản xuất hàng hóa vì cuộc sống của con người

**Câu 49:** Tại sao nói tiền tệ là hàng hóa đặc biệt?

**A.** Vì tiền tệ là hàng hóa nhưng không đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi mua bán.

**B.** Vì tiền tệ chỉ xuất hiện khi sản xuất hàng hóa đã phát triển.

**C.** Vì tiền tệ ra đời là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của các hình thái giá trị.

**D.** Vì tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa.

**Câu 50:**  An nhận được học bổng với số tiền 5 triệu đồng. An muốn thực hiện chức năng phương tiện cất trữ của tiền tệ thì An cần làm theo cách nào dưới đây?

**A.** An đưa số tiền đó cho mẹ giữ hộ **B.** An mua vàng cất đi

**C.** An gửi số tiền đó vào ngân hàng **D.** An bỏ số tiền đó vào lợn đất

**Câu 51:** Giá trị xã hội của hàng hóa được xác định trong điều kiện sản xuất nào sau đây?

**A.** Tốt. **B.** Đặc biệt. **C.** Xấu. **D.** Trung bình.

**Câu 52:**  Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

**A.** Thước đo giá trị **B.** Phương tiện lưu thông

**C.** Phương tiện cất trữ **D.** Phương tiện thanh toán

**Câu 53:**  Tiền làm chức năng phương tiện cất trữ trong trường hợp nào dưới đây?

**A.** Gửi tiền vào ngân hàng **B.** Mua vàng cất vào két

**C.** Mua xe ô tô **D.** Mua đô là Mĩ

**Câu 54:**  Hàng hóa có hai thuộc tính là

**A.** Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng **B.** Giá cả và giá trị sử dụng

**C.** Giá trị và giá cả **D.** Giá trị và giá trị sử dụng

**Câu 55:**  Giá trị của hàng hóa được thực hiện khi

**A.** Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán và bán được

**B.** Người sản xuất cung ứng được hàng hóa có nhiều giá trị sử dụng

**C.** Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán

**D.** Người sản xuất cung ứng hàng hóa phù hợp với nhu cầu nhu cầu của người tiêu dùng

**Câu 56:**  Thông tin của thị trường quan trọng như thế nào đối với người bán?

**A.** Giúp người bán biết được chi phí sản xuất của hàng hóa

**B.** Giúp người bán đưa ra quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận

**C.** Giúp người bán điều chỉnh số lượng hàng hóa nhằm thu nhiều lợi nhuận

**D.** Giúp người bán điều chỉnh số lượng và chất lượng hàng hóa để thu nhiều lợi nhuận

**Câu 57:** Mối quan hệ nào sau đây là quan hệ giữa giá trị và giá trị trao đổi?

**A.** 1m vải = 5kg thóc. **B.** 1m vải + 5kg thóc = 2 giờ.

**C.** 1m vải = 2 giờ. **D.** 2m vải = 10kg thóc = 4 giờ.

**Câu 58:** Các vật phẩm được trở thành hàng hóa khi nào?

**A.** Do lao động tạo ra. **B.** Có công dụng nhất định.

**C.** Thông qua mua bán. **D.** Cả a, b, c đúng.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | B | 11 | C | 21 | D | 31 | B | 41 | A | 51 | D |
| 2 | C | 12 | B | 22 | C | 32 | C | 42 | C | 52 | B |
| 3 | C | 13 | C | 23 | B | 33 | C | 43 | D | 53 | B |
| 4 | A | 14 | D | 24 | C | 34 | D | 44 | D | 54 | D |
| 5 | C | 15 | A | 25 | D | 35 | A | 45 | B | 55 | A |
| 6 | C | 16 | A | 26 | A | 36 | B | 46 | D | 56 | B |
| 7 | A | 17 | B | 27 | C | 37 | D | 47 | A | 57 | D |
| 8 | B | 18 | A | 28 | A | 38 | A | 48 | A | 58 | D |
| 9 | D | 19 | C | 29 | A | 39 | C | 49 | D |  |  |
| 10 | B | 20 | B | 30 | C | 40 | B | 50 | B |  |  |